

Bản án số: 43/2022/HS-ST

Ngày: 21- 9- 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nông Thúy Chính.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Đặng Thị Hạnh.

bà Nguyễn Thị Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Đinh Hồng Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2022 đối với:

* *Bị cáo:* Bùi Trí S, sinh ngày: 04/01/2005, tại huyện H, Quảng Ninh, (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 6 tháng 15 ngày); Nơi cư trú: thôn L, xã M, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị P; Vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 20/6/2022, đến ngày 28/6/2022, hiện tại ngoại tại nơi cư trú đến ngày, có mặt.

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:* bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1975. Địa chỉ: thôn L, xã M, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

* *Người bào chữa của bị cáo:* bà Nguyễn Thị H – Luật sư thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

* *Bị hại:* chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 20/02/1989. Địa chỉ: thôn L, xã M, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* bà Hoàng Thị V, sinh ngày 10/10/1972. Địa chỉ: thôn L, xã M, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 19/6/2022, Bùi Trí S đi một mình khi đến nhà chị Nguyễn Thị N ở thôn L, xã M, huyện H, thấy không có ai ở nhà, S nảy sinh ý định trộm cắp

tài sản. S lén lút trèo qua tường rào vào trong rồi giật cửa sắt phía sau nhà đi vào phòng ngủ của chị N thấy 01 túi xách màu trắng để trên kệ tủ gỗ, S kéo ngăn khóa túi thấy: 02 chiếc nhẫn (01 nhẫn vàng có đính đá màu đỏ; 01 nhẫn bạc đính đá màu trắng); 02 khuyên tai bằng vàng; 01 đồng hồ nữ trên mặt có chữ “Lexbien Gold Sapphire” dây đeo bằng vàng; 01 dây chuyền bạc có gắn mặt đá màu xanh. S lấy toàn bộ số tài sản trên cho vào túi quần đang mặc trên người. Sau đó S lấy con lợn đất đập vỡ thấy bên trong có 200.000 đồng S lấy ăn tiêu hết. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, S mang số tài sản chiếm đoạt được cho bà Hoàng Thị V ở cùng thôn L xem, bà V hỏi S lấy ở đâu, S nói nhặt được ngoài đường và cho bà V 02 khuyên tai bằng vàng, 01 dây chuyền bạc. Chiếc đồng hồ nữ S vứt xuống biển ở thôn L, xã M, còn lại 02 chiếc nhẫn S để trong túi quần. Ngày 20/6/2022, S đến cơ quan công an đầu thú và giao nộp 01 nhẫn vàng và 01 nhẫn bạc. Cùng ngày Cơ quan điều tra đã truy tìm được chiếc đồng hồ S vứt xuống biển và bà Hoàng Thị V đến cơ quan công an giao nộp 02 khuyên tai bằng vàng, 01 dây chuyền bạc.

Tại bản kết luận giám định số 45 ngày 27/6/2022, của Công ty vàng bạc đá quý Hạ Long, kết luận:

M1: 01 nhẫn vàng có đường kính khoảng 1,8cm, trong có mặt đá. Sau khi bóc tách đá, trọng lượng vàng (Au) thực tế còn lại là 0,995 chỉ, trị giá 5.150.000 đồng. Phần đá đỏ chỉ là đá công nghiệp, dùng để trang trí sản phẩm, không có giá trị;

M2: tháo dây vàng ra khỏi mặt đồng hồ, trọng lượng vàng (Au) là 3,02 chỉ (tương đương 11,32 gram), trị giá 7.890.000 đồng. Không giám định mặt đồng hồ;

M3: trọng lượng vàng (Au) thực tế là 0,127 chỉ (tương đương 0,479 gram), là vàng loại 14K, trị giá 350.000 đồng. Phần đá màu trắng chỉ là đá công nghiệp, dùng để trang trí sản phẩm, không có giá trị;

M4: trọng lượng vàng (Au) thực tế là 0,138 chỉ cả đá (tương đương 0,51 gram), là vàng loại 14K, trị giá 310.000 đồng. Phần đá hình tam giác chỉ là đá công nghiệp, dùng để trang trí sản phẩm, không có giá trị;

M5: phần kim loại màu trắng trên nhẫn là bạc (Ag), loại bạc ta, có trọng lượng cả đá là 0,54 chỉ (tương đương 2,03 gram), giá trị 10.000 đồng. Phần đá màu trắng dùng để trang trí sản phẩm, không có giá trị;

M6: dây kim loại màu trắng là bạc (Ag), loại bạc ta, có trọng lượng là 0,523 chỉ (tương đương 1,957 gram), giá trị 10.000 đồng;

M7: tháo mặt hồ li màu xanh, phần kim loại còn lại là bạc (Ag), loại bạc ta, có trọng lượng là 0,32 chỉ, trị giá 10.000 đồng. Phần mặt hồ li xanh và đá màu trắng dùng để trang trí sản phẩm, không có giá trị. (Bút lục số 53).

Ngày 28/6/2022, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: 01 nhẫn vàng có đường kính 1,8cm có đính mặt đá màu hồng hình bầu dục; 01 đồng hồ bằng vàng có mặt hình quả trám, mặt đồng hồ có dòng chữ “Lexbien 18K Gold”, dây đồng hồ bằng vàng tháo ra khỏi mặt đồng hồ, (không định giá mặt và chất lượng đồng hồ); 01 khuyên tai tròn bằng vàng, đường kính 0,9cm, có gắn hình trái tim, 01 viên đá màu trắng, có dòng chữ “14K”; 01 khuyên tai tròn, bằng vàng, đường kính 1,2cm, có gắn viên đá màu trắng hình tam giác, có dòng chữ “K*L*610”; 01 nhẫn bằng bạc, có đường kính 1,8cm có đính đá màu trắng; 01 dây chuyền bạc được tết bằng các mắt

xích với nhau, dài 46,5cm, có dòng chữ “ITALY S990”; 01 mặt dây bằng kim loại màu trắng. Tổng các tài sản là vật chứng vụ án trị giá là 13.730.000 đồng. (Bút lục số 63).

Ngày 10/8/2022, Cơ quan điều tra yêu cầu định giá 01 mặt đồng hồ nữ có dòng chữ “Lexbien 18K Gold”. Ngày 15/8/2022, Hội đồng định giá trong tố tụng huyện H có công văn trả lời: căn cứ 02 biên bản xác định giá trị thực tế của mặt đồng hồ do cơ quan điều tra cung cấp, Hội đồng định giá không đủ căn cứ để xác định giá trị tài sản. (Bút lục số 67).

Về vật chứng vụ án: 01 nhẫn vàng; 01 nhẫn bạc; 02 khuyên tai vàng; 01 dây chuyền bạc; 01 đồng hồ nữ, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là chị Nguyễn Thị N. 01 con lợn đất S đập vỡ Cơ quan điều tra đã tiêu hủy.

Về phần dân sự: Bị hại là chị Nguyễn Thị N đã nhận lại các tài sản bị mất; con lợn đất đã vỡ và 200.000 đồng S ăn tiêu hết chị N không yêu cầu bồi thường.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Bùi Trí S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. (Bút lục số 96 đến 104). Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát và thừa nhận việc truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không bị oan. Nói lời sau cùng, bị cáo ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Bùi Trí S là bà Nguyễn Thị P trình bày: việc Tòa án nhân dân huyện H xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, tuy nhiên hiện nay bị cáo chưa thành niên, không được đi học, nhận thức hạn chế, do đó đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo là Luật sư Nguyễn Thị H trình bày: bà nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật truy tố đối với bị cáo, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là người chưa thành niên, không được đi học, nhận thức pháp luật hạn chế. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bị hại là chị Nguyễn Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời có quan điểm như sau: Chị N trình bày: quá trình điều tra chị đã nhận được tài sản đã mất, nay chị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Về phần hình sự: thấy rằng khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, do đó đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bà V trình bày: sau khi trộm cắp tài sản của chị N, Bùi Trí S đã cho bà 02 khuyên tai bằng vàng, 01 dây chuyền bạc, lúc đó bà không biết đây là tài sản do S trộm cắp được mà có. Sau khi biết số tài sản này do S trộm cắp mà có, bà đã giao nộp số tài sản này cho cơ quan Công an. Nay bà không có ý kiến, đề nghị gì về số tài sản này.

Với nội dung trên tại bản Cáo trạng số 46/CT-VKSHH ngày 25/8/2022 của

Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Bùi Trí S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Trí S từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã M, huyện H, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung đã khai nhận tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng đã được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo xác nhận: những lời khai tại cơ quan điều tra là tự nguyện, đúng sự thật, không bị ép cung, mớm cung hoặc nhục hình; kết hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được làm rõ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy đủ căn cứ để kết luận bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như sau: ngày 19/6/2022, tại nhà chị Nguyễn Thị N ở thôn L, xã M, huyện H, Bùi Trí S có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 nhẫn vàng; 01 nhẫn bạc; 02 khuyên tai vàng; 01 dây chuyền bạc; 01 đồng hồ nữ và 200.000 đồng của chị Nguyễn Thị N, tổng trị giá tài sản là 13.930.000đ (*mười ba triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng*).

Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý; xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” thuộc trường hợp “*1. Trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: không có.

Tình tiết giảm nhẹ: bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú; tài sản là vật chứng của vụ án đã thu hồi trả cho bị hại, bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo:

Hội đồng xét xử thấy rằng: mặc dù hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý; xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Nhưng tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giám sát, giáo dục; có khả năng tự cải tạo nên việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, kèm theo thời gian thử thách là phù hợp với quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Đối với Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh đang áp dụng đối với bị cáo cần hủy bỏ.

Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo là người dưới 18 tuổi, không có việc làm và không có tài sản, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trả lại bị hại là chị Nguyễn Thị N các tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt, chị N không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo Bùi Trí S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Bùi Trí S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Bùi Trí S 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/9/2022).

Giao bị cáo Bùi Trí S cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo S có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo Bùi Trí S cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Hủy Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 29/2022/QĐBL-TA ngày 26/8/2022 và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 29 ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện H đối với bị cáo Bùi Trí S.

2. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Bùi Trí S phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: áp dụng khoản 1, 2, 4 Điều 331; khoản 1, 3 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa của bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi thường trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã M, huyện H
- Bị cáo; Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người bào chữa của bị cáo;
- Bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- THA, Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thúy Chính